

Văn học Việt Nam thời trung đại- **Bức tranh thiên nhiên trong thơ chữ Hán**

Nguyễn Du

Thiên nhiên trong thơ chữ Hán Nguyễn Du đầy thi vị, sinh động và gợi tình. Nguyễn Du đi nhiều, nhìn ngắm nhiều nên cảnh vật đi vào trong thơ dễ dàng, nhẹ nhàng như bản chất nó vậy. Cảnh vật gần gũi thân quen: một đêm mưa gió, một buổi chiều tà, một cơn gió lạnh, một đám cỏ xanh, một vầng trăng sáng, một rừng đỏ lá phong, một hơi thu hiu hắt... Màu sắc, âm thanh cũng rất quen thuộc: tiếng xào xạc của tàu chuối gió đưa, tiếng ếch nhái nỉ non trong đêm vắng, âm thanh náo nức của hội đua thuyền, màu đỏ thắm của hoa lựu trên núi, màu vàng rực của hoa cúc trước sân, màu xanh hoang dại của rừng núi bạt ngàn... Trong thơ Nguyễn Du, thiên nhiên không chỉ là những nét chấm phá, không chỉ mơ hồ như sương khói, không chỉ bàng bạc, mờ lung như mây

chiều mà đôi lúc hiển hiện rõ rệt, lấp lánh như sao đêm, như muốn báo cho vũ trụ biết rằng nó đang có mặt giữa đời. Nếu như trong Truyện Kiều, thiên nhiên bị con người lôi cuốn cùng tham gia vào câu chuyện như người trong cuộc “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” thì trong thơ chữ Hán, thiên nhiên cũng ít nhiều mang nét nhân tính nhưng đồng thời nó cũng tồn tại một cách độc lập, trần trụi và nhất là giữ nguyên nét ban sơ hoang dã. Đó là thiên nhiên của thế giới khách quan. Tất nhiên nó phải mang tính chất hình chiếu tâm trạng, có nghĩa là phải thông qua lăng kính chủ quan của nhà thơ. Hơn nữa thơ chữ Hán Nguyễn Du được xem như những trang nhật kí, kí sự về cuộc đời của chính nhà thơ, cho nên chắc chắn không thể miêu tả một số cảnh mà không để tâm trạng mình tham gia vào và một số cảnh trên đường đi không thể không miêu tả một cách khách quan để thấy hết nét đẹp dịu dàng cũng như sự hùng dữ, lồng lộn, táo tợn của nó.

Thiên nhiên hiền hòa nhưng cũng thật dữ dội. Nó có thể trải mình

ra phơi phơi tươi xinh để con người hồn nhiên chiêm ngưỡng. Nhưng nó cũng có thể bộc lộ hết những nanh vuốt, những cạm bẫy để vồ xé, dìm chết con người như một bầy quỷ dữ. Cả hai mặt này đều được Nguyễn Du ý thức đưa vào thơ của mình. Không đâu xa, ngay chính trên quê hương tác giả, nó vừa là kho báu mặt sức ngâm vịnh nhưng nó cũng là chỗ nguy hiểm có thể chết người. Sự thật là vậy. Ông thường khuyên bạn: Chớ sào ở nơi hẻo lánh không gặp được bạn tốt/ Sông Lam núi Hồng đã đủ để ngâm vịnh (Tặng Thực Đình); Sông Lam núi Hồng đẹp vô hạn/ Nhờ anh thu lượm để giúp thêm cho việc ngâm vịnh thanh tao (Phúc Thực Đình)... Nhưng lúc khác, nhìn thấy sông Lam trong cơn nước lụt mùa thu, ông mới hình dung hết sức mạnh vô hình của nó: Sông Lam tràn đầy nước lụt mùa thu/ Cá giải bơi đùa trên gò đất/ Trâu ngựa không nhận ra bờ nước/ Bờ sông lở sụt ầm ầm như sấm dữ/ Sóng lớn thấy như có quỷ lạ (Lam Giang). Nó có thể nhấn chìm con người bất cứ lúc nào, và tất cả đều là do ý trời...

Cũng như với trăng tưởng chừng Nguyễn Du thân thiện gần gũi.

Nhưng ngoài một số hình ảnh đẹp, tứ lạ như vẽ cái sáng trong vằng vặc, cái độ tròn thật tròn (Quỳnh Hải nguyên tiêu), trăng như hộp gương, như vành cung tráng sĩ (Sơ nguyệt)... thì đậm nét nhất trong thơ ông vẫn là những hình ảnh tàn nguyệt (trăng tàn), tà nguyệt (trăng xế), lạc nguyệt (trăng lặn)... buồn hiu hắt, đơn côi, lạnh lẽo. Dù trăng là nguồn thi liệu vô tận và gợi nhiều cảm hứng cho các bậc thi nhân. Với Nguyễn Du, trăng đẹp, đêm đẹp nhưng vẫn có cái gì đó không trọn vẹn.

Mùa xuân và mùa thu cũng vậy. Nguyễn Du nâng niu, ngưỡng mộ cả hai. Nhưng xuân là bà tiên kiêu kỳ chẳng phải với ai cũng có thể ban phát hạnh phúc. Nguyễn Du đã từng nép sau cánh cửa ngai ngừng dõi theo để xem Xuân lọt vào nhà ai (Quỳnh Hải nguyên tiêu) vì biết rằng trăng chẳng bao giờ đến với người có mối lo nghìn năm như ông (Thiên tuế trường ưu vị tử tiền). Còn mùa thu, vốn là một nàng thu lặng lẽ sâu muộn thì lại có sức hút kì lạ với Nguyễn Du. Thu dẫu nghèo nàn nhưng hào phóng hơn

tất cả, thu có khả năng ban phát và đồng cảm rất lớn. Phải chăng thu cũng buồn bã tư lự như người ngưỡng mộ nó? Thiên nhiên trong thơ ông luôn có hai mặt như vậy.

Cuộc sống muôn dặm của Nguyễn Du, ông đã qua không biết bao nhiêu chặng đường hiểm nguy. Cảnh rừng núi dây leo chằng chịt, thú dữ châu chực rình mồi. Sông hồ thì ngập lũ, sóng cao, gió lớn, cá rồng, quỷ thần ẩn nấp: Đêm tối sói hổ kêu ngạo (Biệt Nguyễn Đại Lang II); Trăng lặn ở ngoài phía có vượn kêu/ Người đi trong vết chân hổ (Phượng hoàng lộ thượng tảo hành); Núi trùng điệp đã chắt thành đồng/ Dây leo bò khắp mặt đất chật chội khó mở lối đi(Sơn trung tức sự); Thần mưa khóc sụt mướt, thần nước giận dữ/ Trước núi Ngủ chỉ nước như trút xuống/ Sóng bạc suốt ngày như rấn rờng đua chạy/ Hai bên bờ, núi xanh như sói cộp (Bất tiến hành)...

Không đợi các vị thần ra oai, bản thân rừng núi nhìn dưới góc độ cận cảnh cũng đã đủ để rùng mình khiếp sợ: Giữa có những hòn

đá kỳ lạ chen chúc nhau/ Các hòn hình rồng, rắn, cạp, beo, trâu,
ngựa bày la liệt (Ninh Minh giang chu hành); Những bờ núi lở,
những hòn đá kì quái như giận dữ nhìn nhau (Chu hành tức sự)...

Các nhà thơ thường ca tụng vẻ đẹp hùng vĩ của khung cảnh núi
sông với tư thế đứng từ xa. Quang cảnh chung bao giờ cũng
mang sắc thái tráng lệ do tầm mắt lướt đi trên sắc xanh của cây,
tầm cao của núi, độ dài của sông, cái mênh mông lồng lộng của
mây trời... Những hình ảnh như núi Tản Viên của Cao Bá Quát:

Ngọn núi nổi tiếng xưa nay vẫn truyền tụng,

Bốn bề tròn trĩnh như hình cái tán.

Mây giáp đến tận trời các chòm sao có thể hái được,

Đất xa hàng vạn bạc, nước lụt không làm gì nổi.

(Vịnh Tản Viên sơn)

Như cảnh Đèo Ngang của Nguyễn Đề:

*Cây rừng như gương giáo ngàn doanh trại,
Khí bốc đầu non tựa hàng vạn bếp thổi.
Đá ngồn ngang san sát thành gò ở lũy cũ,
Sóng xô đẩy cuộn cuộn ngăn dòng sông phía trước.*

(Quá Hoành Sơn)

Nguyễn Du cũng có một số bài đứng lui ở khoảng cách xa để miêu tả. Cái dáng vẻ hùng tráng được quan sát từ tầm xa: Lầu cao ngất đứng sừng sững trên bờ cao/ Đứng trên cao nhìn xuống phong cảnh sao mà tráng lệ/ Mây nổi che kín cả ba vùng đất Sở/ Nước thu từ chín sông đổ về (Đăng Nhạc Dương lâu)... Nhưng thường xuyên hơn vẫn là tầm nhìn thật gần, thậm chí có thể sờ mó được, giống như cảnh vật trong thơ Hồ Xuân Hương:

*- Đứng tréo trông theo cảnh hắt heo,
Đường đi thiên theo quán cheo leo.
Lộp lều mái cỏ tranh xơ xác,
Xỏ kẻ kèo tre đốt khăng kheo.*

(Quán Khánh)

*- Lườn đá cở leo sờ rậm rạp,
Lách khe nước rỉ mó lam nham.*

(Hang Thánh Hóa)

Tuy không có giọng đùa cợt và tính đa nghĩa trong từ ngữ như thơ Hồ Xuân Hương nhưng Nguyễn Du cũng muốn nhìn để thấy thật gần bộ mặt thật của núi rừng. Chính vì vậy mà ông thấy được gương mặt của đá lở, chúng như giận dữ nhìn nhau, giống như những con thú rừng ác độc chỉ chờ vồ lấy con người, kể cả ma quỷ ẩn đằng sau chúng nữa. Trong thực tế thiên nhiên không chỉ là ánh trăng trong, ngọn gió mát, con sông hiền hòa, mặt biển sóng lặng... mà còn có những cơn thịnh nộ, những phong ba bão táp, gió dập sóng vùi... làm cho con người sợ hãi và những nét buồn hiu hắt, những màu xanh rợn ngợp làm cho lòng người tê tái giá buốt. Thiên nhiên thật lạnh lùng và tàn nhẫn. Nó đứng ở vị trí khách thể và chừng như muốn đối lập với con người, muốn

giơ bàn tay đầy quyền uy của mình ra để chế ngự tình cảm con người. Còn Nguyễn Du đứng trước uy lực của thiên nhiên, ông không muốn hòa vào nó, không muốn trèo lên đỉnh núi cao cất tiếng kêu làm lạnh cả đất trời như Thiền sư Không Lộ, mà hình như còn muốn chống lại nó. Nhìn sông Lam thấy hết những mối hiểm nguy đang kề cận con người, Nguyễn Du lo sợ, kêu gọi lòng hiếu sinh của trời, nhưng rồi ông không tin tưởng lắm, muốn tự tay mình có sức mạnh thần kì đẩy núi Thiên Nhạn để lấp bằng những chỗ hiểm nguy: Trời vốn có đức hiếu sinh/ Sao cứ để thế mãi/ Muốn đẩy núi Thiên Nhạn/ Lấp bằng năm trăm dặm (Lam Giang).

Nguyễn Du cũng một vài lần “đăng cao” nhưng không phải để hòa nhập với vũ trụ mà để thấy rõ hơn con người của chính mình. Lên lầu Nhạc Dương, ông thấy cảnh vật hùng tráng nhưng đó chưa phải là cảm hứng chủ đạo. Nhà thơ “đăng cao” chính là để mở mắt ra mà nhìn về quê hương, nhìn về một góc trời trống không phía trước để đau buồn, để than thở cho thân phận mình

đang phải làm một kiếp người xa xứ (Đăng Nhạc Dương lâu).

Nguyễn Du cũng thấy được sự lạnh lùng của thiên nhiên, tưởng như vô tình nhưng bản chất nó là vậy. Chừng như nó cố ý để tạo nên thế đối chọi lại với ước muốn của con người: Chỉ có sông Trường Giang là khéo thu xếp/ Bên bồi bên lở vẫn chảy ra hết biển đông (Hoàng Châu trúc lâu). Sông Trường Giang đã mặc tất cả, bên nào lở, bên nào bồi nó chẳng cần quan tâm, cứ tuôn chảy hết về biển đông. Số phận con người cũng vậy, cũng bị cuốn theo dòng đời, có rên rỉ kêu than rồi cũng chẳng ai nghe.

Con người đi trong cái nắng gắt của mặt trời, mặt trời chẳng những không dịu mát một chút mà còn đổ lửa hơn. Chỗ có gió mát ở đâu xa chứ không ở nơi con người đang mong muốn: Ở Hà Nam vào tiết thu tháng tám/ Khí nóng tàn vẫn chưa tan hết/ Đường ra ngoài chỗ có gió mát/ Người đi trong nắng gay gắt của mặt trời (Hà Nam đạo trung khóc thử).